

CHƯƠNG 3 – TỔNG QUAN CÁC TỈNH THÀNH

Chương này trình bày các kết quả tổng hợp Chỉ số 2015 được xây dựng theo khung lý thuyết mô tả ở Chương 1 và mô hình phân tích số liệu và thống kê được giải thích chi tiết ở Phụ lục 1.

3.1 Khái quát về khung chỉ số

Chỉ số Công lý 2015 được thiết kế theo ba lớp cấu trúc, cụ thể là 4 trục nội dung, 16 tổ hợp

thành phần, và 68 chỉ số thành phần, xem phác hoạ cấu trúc bộ chỉ số ở Hình 14. Các trục nội dung Tiếp cận công lý, Công bằng và bình đẳng, Thi hành pháp luật và Quyền cơ bản của công dân qua tham vấn chuyên gia được xác định là các nhóm vấn đề thiết thực và đang được ưu tiên trong cải cách pháp luật và tư pháp ở Việt Nam, với định hướng xây dựng nhà nước pháp quyền, xã hội công bằng dân chủ và một nền tư pháp vì dân.

Hình 14: Khung cấu trúc chỉ số



1.3 Khả năng chi trả cho dịch vụ pháp lý <ul style="list-style-type: none"> Thủ tục xin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Giải quyết tranh chấp thương mại Giải quyết tranh chấp đất đai Giải quyết khiếu nại về môi trường 	2.3 Xử lý khiếu nại <ul style="list-style-type: none"> Tinh thần trách nhiệm trong giải quyết khiếu nại Giải quyết kịp thời khiếu nại 2.4 Công bằng và bình đẳng giữa các nhóm xã hội	3.4 Rõ ràng về thủ tục <ul style="list-style-type: none"> Thủ tục giải quyết tranh chấp và khiếu nại Thủ tục tòa án 3.5 Niềm tin vào các thiết chế tư pháp <ul style="list-style-type: none"> Các cơ quan hành chính Tòa án 3.6 Hiệu quả giải quyết tranh chấp	4.3 Bảo đảm quyền trên thực tế <ul style="list-style-type: none"> Tự do ngôn luận Tự do hội họp Tự do lập hội Quyền biểu tình Tự do tín ngưỡng Tự do tôn giáo Quyền trẻ em Tiếp cận thông tin
--	---	---	--

Các nguyên tắc chuẩn mực được áp dụng khi lựa chọn các chỉ số thành phần, cụ thể mỗi chỉ số được chọn phải đáp ứng toàn bộ các tiêu chí sau đây:

- Đo lường dữ liệu dựa trên kết quả đầu ra
- Gắn với nội dung cấu thành phù hợp với khung lý thuyết về công lý
- Dữ liệu có đủ và có thể thu thập được trên toàn mẫu, đảm bảo cho xây dựng chỉ số cấp tỉnh
- Dữ liệu có tính thời sự, trải nghiệm thực tế trong khung thời gian nhất định
- Kết quả chỉ số đạt mức tin cậy về thống kê.

Theo các nguyên tắc nêu trên, nhiều dữ liệu thu thập và tổng hợp được từ khảo sát 2015 đã không được chọn cho xây dựng bộ chỉ số, dù có thể rất có ý nghĩa và được dùng mô tả bức tranh tổng thể ở cấp quốc gia. Danh mục 68 chỉ số cấu thành cho Chỉ số Công lý 2015 và các dữ liệu từ Bảng hỏi và phỏng vấn người dân cho lập trình các chỉ số có thể xem Phụ lục 3.

3.2 Kết quả tổng quan

Chỉ số 2015 bao gồm kết quả ở 63 tỉnh thành về hiệu quả hoạt động tư pháp cấp cơ sở theo trải nghiệm và quan sát thực tế của người dân. Kết quả chỉ số được trình bày theo ba nhóm: Nhóm Cao, Nhóm Trung và Nhóm Thấp. Việc một tỉnh thành có kết quả ở cấp chỉ số thành

phần, tổ hợp thành phần, trục nội dung, hay chỉ số tổng hợp 2015 ở vị trí nào trong 3 nhóm trên là tùy thuộc vào kết quả định lượng từ việc tính toán chỉ số, đồng thời tùy thuộc vào độ tin cậy thống kê của kết quả đó. Theo thước đo này các tỉnh ở ô màu vàng cam sẫm trong Bảng 14 là các tỉnh ở Nhóm Cao - có hiệu quả hoạt động tốt hơn các nhóm khác, và các tỉnh được liệt kê theo thứ tự tên tỉnh từ A tới Z. Tương tự các tỉnh ở ô màu xanh, là các tỉnh có kết quả chỉ số ở Nhóm Thấp - hiệu quả hoạt động thấp hơn Nhóm Cao và Nhóm Trung. Các tỉnh ở ô màu vàng, là các tỉnh có kết quả trung bình ở Nhóm Trung. Ba nhóm được hình thành theo mô tả trên hoàn toàn dựa trên độ tin cậy thống kê của kết quả tổng hợp. Cụ thể:

- “Cao” là khi độ tin cậy thống kê của kết quả tính toán là dương, chắc chắn hiệu quả hoạt động tốt.
- “Thấp” là khi độ tin cậy thống kê là âm, chắc chắn hiệu quả hoạt động thấp.
- “Trung” là ở mức trung bình, không Cao, không Thấp, và vì kết quả ở nhóm này có khoảng tin cậy thống kê rộng, không nên khẳng định hiệu quả hoạt động của một tỉnh thành ở nhóm Trung có thể được xem là khác biệt so với hiệu quả của một tỉnh khác trong cùng nhóm. Mô tả chi tiết về phương pháp phân tích dữ liệu và thống kê của Chỉ số Công lý 2015 xin xem Phụ lục 1.

Bảng 14: Kết quả tổng hợp Chỉ số Công lý 2015

Liệt kê theo nhóm Cao, Trung bình, Thấp và từ A tới Z

Bắc Giang	Cần Thơ	Kon Tum	Thái Bình
Bắc Ninh	Cao Bằng	Lai Châu	Thái Nguyên
Đắc Nông	Đà Nẵng	Lâm Đồng	Thanh Hóa
Hải Phòng	Đắc Lắc	Lạng Sơn	Thừa Thiên-Huế
Nam Định	Điện Biên	Lào Cai	Tiền Giang
Sơn La	Đồng Nai	Long An	TP Hồ Chí Minh
Quảng Ninh	Gia Lai	Nghệ An	Trà Vinh
Bà Rịa - Vũng Tàu	Hà Giang	Ninh Bình	Tuyên Quang
Bắc Kạn	Hà Nam	Ninh Thuận	Vĩnh Long
Bạc Liêu	Hà Nội	Phú Thọ	Vĩnh Phúc
Bến Tre	Hà Tĩnh	Phú Yên	Yên Bái
Bình Định	Hải Dương	Quảng Bình	An Giang
Bình Dương	Hậu Giang	Quảng Nam	Đông Tháp
Bình Phước	Hòa Bình	Quảng Ngãi	Kiên Giang
Bình Thuận	Hưng Yên	Quảng Trị	Tây Ninh
Cà Mau	Khánh Hòa	Sóc Trăng	

Mã màu: Cao Trung Thấp

3.3 Kết quả tổng hợp theo trục nội dung

Kết quả chỉ số trình bày dưới đây là tổng hợp theo các trục nội dung và nhóm vấn đề đánh giá về hiệu quả hoạt động tư pháp cơ sở theo ý kiến của người dân. Đánh giá về hiệu quả hoạt động ở từng lĩnh vực, từng địa phương được thể hiện theo 3 nhóm Cao, Trung và Thấp, tương tự như các tiêu chí phân nhóm đã giải thích ở phần trên. Hiện thị bảng màu kết quả tổng hợp ở Bảng 15 cho chúng ta một bức tranh toàn cảnh kết quả 4 trục nội dung và 16 trục thành phần cấu thành các trục nội dung này ở toàn bộ các tỉnh thành trong khảo sát 2015.

Các hiện thị kết quả theo màu cho thấy các lĩnh vực đã được thực hiện tốt, những lĩnh vực người dân đánh giá là chưa tốt và các lĩnh vực hiệu quả hoạt động ở mức trung bình trong tương quan giữa các tỉnh thành. Ví dụ: kết quả màu cam hiện thị ở Trục 1 và kết quả hiển thị màu xanh ở Trục 4 cho biết: theo ý kiến của người dân, Hà Nội là một trong 10 tỉnh thành trong cả nước đã làm tốt việc bảo đảm tiếp

cận các thiết chế tư pháp cho người dân ở các lĩnh vực dân sự, tuy nhiên chưa được người dân đánh giá cao về việc bảo đảm các quyền cơ bản trên thực tế, và là một trong số 13 tỉnh thành được đánh giá là chưa làm tốt ở lĩnh vực hoạt động này. Việc bảo đảm công bằng, bình đẳng và hiệu quả thi hành pháp luật ở Hà Nội được đánh giá là ở mức trung bình so với tương quan các tỉnh thành trên cả nước.

Việc so sánh kết quả tương quan giữa các địa phương về hiệu quả hoạt động ở các mảng nội dung, tương ứng với 4 trục nội dung sử dụng ở chỉ số này là Tiếp cận công lý, Công bằng và Bình đẳng, Thi hành Pháp luật và Quyền cơ bản có thể giúp gợi mở các định hướng hành động và ưu tiên cải cách, đổi mới cho các chuyên gia nghiên cứu và xây dựng chính sách ở trung ương. Rõ ràng khi so sánh tương quan kết quả giữa các nội dung, có thể thấy bảo đảm công bằng và bình đẳng là nội dung được đánh giá chưa tốt trong tương quan giữa 4 trục nội dung (xem Bảng 16). Kết quả phân tích chỉ số cho thấy chỉ có 6 tỉnh thành là Bắc Ninh, Điện Biên, Nam Định, Quảng Ninh, Quảng Nam, Bà

Rịa – Vũng Tàu được đánh giá tốt và ở Nhóm Cao về bảo đảm công bằng và bình đẳng. Việc đảm bảo quyền cơ bản của người dân trên thực tế có phân cực giữa các địa phương, trong

khi có 13 tỉnh thành được đánh giá tốt và ở Nhóm Cao về đảm bảo quyền công dân thì cũng có tới 15 tỉnh được đánh giá chưa tốt và ở Nhóm Thấp.

Bảng 15: Kết quả Chỉ số theo tỉnh thành

Kết quả 16 cấu phần nội dung và 4 trục nội dung: hiển thị theo trục ngang; 1.1 tới T1: Tiếp cận công lý; 2.1 tới T2: Công bằng và Bình đẳng; 3.1 tới T3: Thi hành pháp luật; 4.1 tới T4: Quyền cơ bản. Chú ý: mã màu của hợp phần 2.4 hiển thị theo hai mức như trong bảng là kết quả phương pháp lập trình cho phân tích theo nhóm xã hội được áp dụng, xem chi tiết ở Phụ lục 1. Các tỉnh thành từ Hà Nội đến Quảng Trị: hiển thị theo trục đứng.

Trục nội dung thành phần	1.1	1.2	1.3	T1	2.1	2.2	2.3	2.4	T2	3.1	3.2	3.3	3.4	3.5	3.6	T3	4.1	4.2	4.3	T4
Hà Nội	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Hà Giang	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Cao Bằng	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Bắc Kạn	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Tuyên Quang	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Lào Cai	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Điện Biên	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Lai Châu	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Sơn La	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Yên Bái	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Hòa Bình	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Thái Nguyên	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Lạng Sơn	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Quảng Ninh	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Bắc Giang	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Phú Thọ	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Vĩnh Phúc	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Bắc Ninh	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Hải Dương	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Hải Phòng	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Hưng Yên	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Thái Bình	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Hà Nam	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Nam Định	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Ninh Bình	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Thanh Hóa	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Nghệ An	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Hà Tĩnh	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Quảng Bình	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Quảng Trị	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp

Mã màu: Cao Trung Thấp

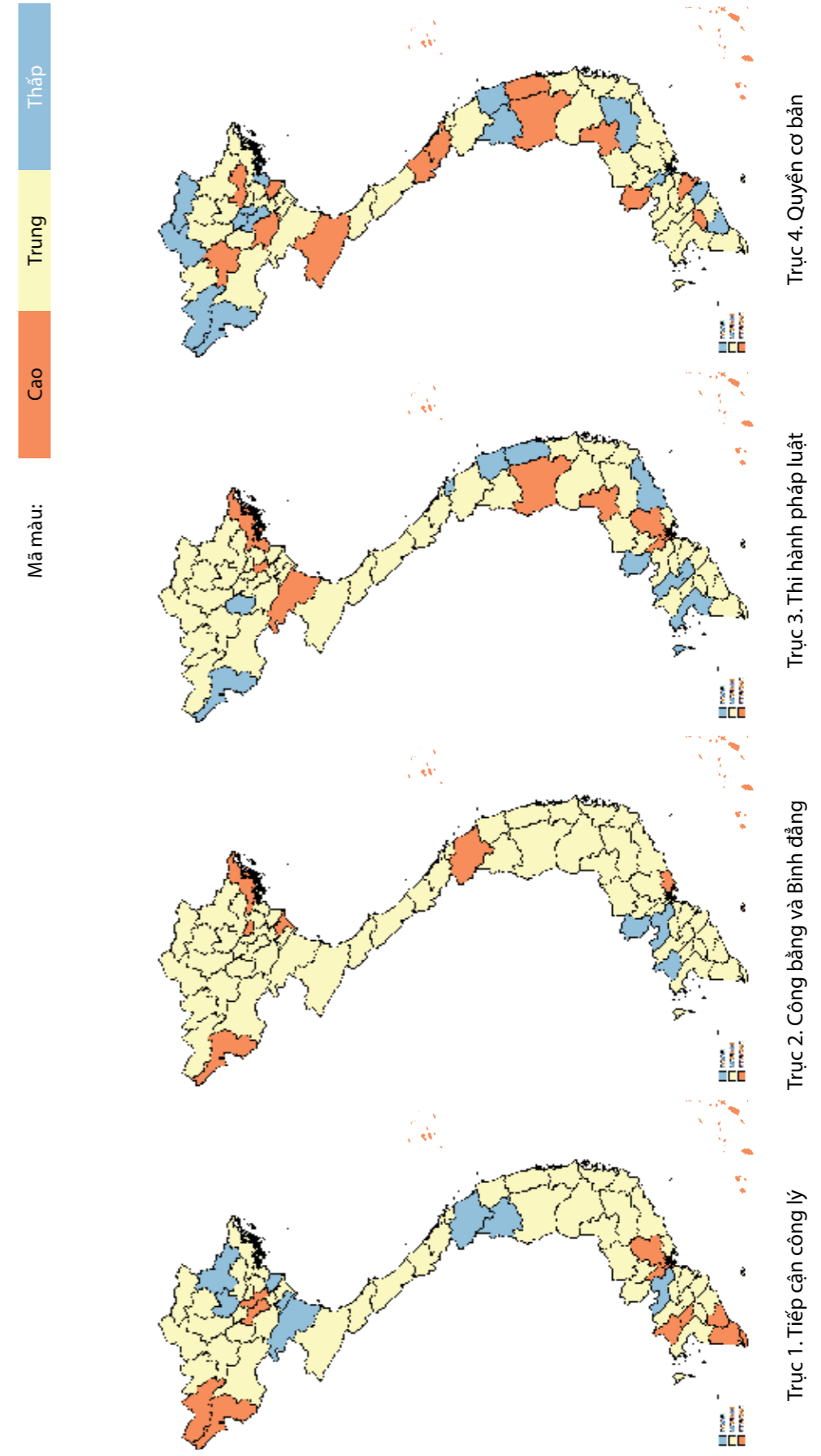
Bảng 15 (tiếp theo): Kết quả Chỉ số theo tỉnh thành

Kết quả 16 cấu phần nội dung và 4 trục nội dung: hiển thị theo trục ngang; 1.1 tới T1: Tiếp cận công lý; 2.1 tới T2: Công bằng và Bình đẳng; 3.1 tới T3: Thi hành pháp luật; 4.1 tới T4: Quyền cơ bản. Chú ý: mã màu của hợp phần 2.4 hiển thị theo hai mức như trong bảng là kết quả phương pháp lập trình cho phân tích theo nhóm xã hội được áp dụng, xem chi tiết ở Phụ lục 1. Các tỉnh thành từ Thừa Thiên Huế đến Cà Mau: hiển thị theo trục đứng.

Trục nội dung thành phần	1.1	1.2	1.3	T1	2.1	2.2	2.3	2.4	T2	3.1	3.2	3.3	3.4	3.5	3.6	T3	4.1	4.2	4.3	T4
Thừa Thiên-Huế	High	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Đà Nẵng	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Quảng Nam	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Quảng Ngãi	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Bình Định	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Phú Yên	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Khánh Hòa	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Ninh Thuận	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Bình Thuận	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Kon Tum	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Gia Lai	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Đắk Lắk	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Đắk Nông	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Lâm Đồng	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Bình Phước	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Tây Ninh	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Bình Dương	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Đồng Nai	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Bà Rịa-Vũng Tàu	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Tàu	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
TP. Hồ Chí Minh	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Long An	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Tiền Giang	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Bến Tre	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Trà Vinh	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Vĩnh Long	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Đồng Tháp	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
An Giang	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Kiên Giang	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Cần Thơ	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Hậu Giang	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Sóc Trăng	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Bạc Liêu	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Cà Mau	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low

Mã màu: Cao Trung Thấp

Bảng 16: Kết quả tổng hợp các tỉnh thành theo 4 trục nội dung



3.4 Kết quả chỉ số của từng tỉnh thành

Với định hướng xây dựng chỉ số như là một công cụ, có thể giúp xác định các lĩnh vực hoạt động hiệu quả và chưa hiệu quả trong tổng quan hoạt động tư pháp gắn với đời sống người dân ở cơ sở, kết quả Chỉ số Công lý 2015 có thể được mỗi tỉnh thành sử dụng như một nguồn thông tin tham khảo cho việc hoạch định công tác ở mỗi địa phương. Kết quả chi tiết toàn bộ chỉ số với 68 chỉ số thành phần có thể được tổng hợp thành bảng điểm cho mỗi tỉnh thành. Bảng 17 là một ví dụ về bảng mô tả kết quả chỉ số chi tiết của Bắc Ninh; Bảng 18 cung cấp kết quả tổng hợp các chỉ số của Quảng Nam; và Bảng 19 là kết quả tổng hợp các chỉ số của Tây Ninh.

Do khuôn khổ báo cáo có hạn, tổng hợp kết quả chỉ số của từng tỉnh thành không được trình bày trong báo cáo này theo bảng tương tự như với Bắc Ninh, Quảng Nam và Tây Ninh, tuy nhiên, kết quả chỉ số chi tiết theo từng chỉ số của toàn bộ 63 tỉnh thành được tổng hợp ở Phụ lục 4; các thông số này có thể dễ dàng tập hợp lại thành bảng kết quả chỉ số cho một tỉnh thành cụ thể. Toàn bộ kết quả chi tiết Chỉ số Công lý 2015 cũng được đăng tải trên trang <http://chisocongly.vn/>.

Bảng 17: Bảng kết quả phân tích và đánh giá tổng hợp về Bắc Ninh

#	Chỉ số	Kết quả	#	Chỉ số	Kết quả
TRỤC 1 TIẾP CẬN CÔNG LÝ					
1.1.1	Nguồn thông tin pháp luật sẵn có		3.3.1	Thừa nhận công khai nếu có vi phạm về công vụ	
1.1.2	Hiểu biết về phương thức giải quyết tranh chấp lao động		3.3.2	Kỷ luật cán bộ làm sai	
1.1.3	Hiểu biết về phương thức giải quyết tranh chấp đất đai		3.3	Giám sát tư pháp	
1.1.4	Hiểu biết về phương thức giải quyết tranh chấp dân sự		3.4.1	Rõ ràng về thủ tục trong giải quyết tranh chấp dân sự	
1.1.5	Hiểu biết về phương thức giải quyết khiếu nại về môi trường		3.4.2	Rõ ràng về thủ tục trong giải quyết khiếu nại hành chính	
1.1.6	Tiếp cận thông tin pháp luật		3.4.3	Rõ ràng về thủ tục trong giải quyết tranh chấp thương mại	
1.1.7	Hiểu biết về pháp luật		3.4.4	Thủ tục tòa án	
1.1	Tiếp cận thông tin pháp luật		3.4	Rõ ràng về thủ tục	
1.2.1	Thủ tục đăng ký kết hôn		3.5.1	Niềm tin của người dân vào sự ổn định của chính sách đất đai	
1.2.2	Thủ tục cấp GCNQSDP		3.5.2	Vai trò của nhà nước trong bảo đảm bình đẳng giữa các bên trong quan hệ lao động	
1.2.3	Luật sư và trợ giúp pháp lý		3.5.3	Mức độ tuân thủ qui định của nhà nước	
1.2	Tiếp cận dịch vụ pháp lý		3.5.4	Niềm tin vào thẩm phán và cán bộ tòa án	
1.3.1	Chỉ phí thực tế cho xin GCNQSDP		3.5.5	Vai trò của nhà nước trong giải quyết khiếu nại về chính sách đất đai	
1.3.2	Khả năng chi trả cho giải quyết tranh chấp thương mại		3.5.6	Niềm tin vào vai trò của cơ quan nhà nước trong giải quyết khiếu nại môi trường	
1.3.3	Khả năng chi trả cho giải quyết tranh chấp đất đai		3.5.7	Niềm tin vào hệ thống công vụ trong áp dụng chính sách đất đai	
1.3.4	Khả năng chi trả cho giải quyết khiếu nại về môi trường		3.5	Niềm tin vào các thiết chế tư pháp	
1.3	Khả năng chi trả cho dịch vụ pháp lý		3.6.1	Hiệu quả giải quyết tranh chấp dân sự	
TRỤC 2 CÔNG BẰNG VÀ BÌNH ĐẲNG					
2.1.1	Bình đẳng giữa các bên trong tranh chấp lao động		3.6.2	Hiệu quả giải quyết khiếu nại hành chính	
2.1.2	Không phân biệt đối xử		3.6	Hiệu quả giải quyết tranh chấp	
2.1.3	Bình đẳng trước tòa		TRỤC 4 QUYỀN CƠ BẢN CỦA NGƯỜI DÂN		
2.1	Bình đẳng trước pháp luật		4.1.1	Biết về Hiến pháp	
2.2.1	Vai trò cơ quan nhà nước trong giải quyết tranh chấp và khiếu nại đất đai		4.1.2	Biết về sửa đổi Hiến pháp	
2.2.2	Vai trò cơ quan nhà nước trong giải quyết khiếu nại môi trường		4.1.3	Biết về quyền bầu cử	
2.2.3	Vai trò cơ quan nhà nước trong giải quyết khiếu nại hành chính		4.1.4	Biết về quyền thừa kế	
2.2	Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước		4.1.5	Biết về trợ giúp pháp lý miễn phí	
2.3.1	Thời gian thụ lý và giải quyết khiếu nại về quản lý kinh tế		4.1.6	Biết về quyền sống trong môi trường trong lành	
2.3.2	Thời gian thụ lý và giải quyết khiếu nại về chính sách đất đai		4.1	Hiểu biết về quyền	
2.3.3	Thời gian thụ lý và giải quyết khiếu nại về môi trường		4.2.1	Quyền khiếu nại trên thực tế	
2.3.4	Quan ngại về thời gian xử lý giải quyết tranh chấp kéo dài		4.2.2	Cơ chế bảo vệ người khiếu nại	
2.3	Xử lý khiếu nại		4.2.3	Cơ chế giải quyết kịp thời và thủ tục rõ ràng giải quyết khiếu nại	
2.4	Bình đẳng giữa các nhóm xã hội		4.2.4	Tham gia đi bầu trực tiếp	
TRỤC 3 THI HÀNH PHÁP LUẬT					
3.1.1	Liên chính trong giải quyết tranh chấp dân sự		4.2.5	Quyền tham gia	
3.1.2	Liên chính trong giải quyết khiếu nại hành chính		4.2.6	Quyền tiếp xúc cử tri	
3.1.3	Chỉ phí không chính thức trong giải quyết tranh chấp đất đai		4.2	Cơ chế bảo vệ quyền	
3.1.4	Lệ phí không chính thức trong xử lý vi phạm giao thông		4.3.1	Tự do biểu đạt	
3.1.5	Vai trò của truyền thông trong đấu tranh chống tham nhũng		4.3.2	Tự do báo chí	
3.1	Liên chính trong tư pháp		4.3.3	Tự do hội họp	
3.2.1	Trách nhiệm của các cơ quan tư pháp trong giải quyết khiếu nại hành chính		4.3.4	Tự do lập hội	
3.2.2	Tác phong công vụ khi xử lý vi phạm giao thông		4.3.5	Quyền biểu tình	
3.2.3	Tính chuyên nghiệp của cán bộ nhà nước trong xử lý các yêu cầu pháp lý của người dân		4.3.6	Tự do tín ngưỡng	
3.2	Chuyên nghiệp		4.3.7	Tự do tôn giáo	
			4.3.8	Quyền trẻ em	
			4.3.9	Quyền tiếp cận thông tin	
			4.3	Bảo đảm quyền trên thực tế	

Mã màu: Cao Trung Thấp

Bảng 18: Bảng kết quả phân tích và đánh giá tổng hợp về Quảng Nam

#	Chỉ số	Kết quả	#	Chỉ số	Kết quả
TRỤC 1 TIẾP CẬN CÔNG LÝ					
1.1.1	Nguồn thông tin pháp luật sẵn có		3.3.1	Thửa nhận công khai nếu có vi phạm về công vụ	
1.1.2	Hiểu biết về phương thức giải quyết tranh chấp lao động		3.3.2	Kỷ luật cán bộ làm sai	
1.1.3	Hiểu biết về phương thức giải quyết tranh chấp đất đai		3.3	Giám sát tư pháp	
1.1.4	Hiểu biết về phương thức giải quyết tranh chấp dân sự		3.4.1	Rõ ràng về thủ tục trong giải quyết tranh chấp dân sự	
1.1.5	Hiểu biết về phương thức giải quyết khiếu nại về môi trường		3.4.2	Rõ ràng về thủ tục trong giải quyết khiếu nại hành chính	
1.1.6	Tiếp cận thông tin pháp luật		3.4.3	Rõ ràng về thủ tục trong giải quyết tranh chấp thương mại	
1.1.7	Hiểu biết về pháp luật		3.4.4	Thủ tục tòa án	
1.1	Tiếp cận thông tin pháp luật		3.4	Rõ ràng về thủ tục	
1.2.1	Thủ tục đăng ký kết hôn		3.5.1	Niêm tin của người dân vào sự ổn định của chính sách đất đai	
1.2.2	Thủ tục cấp GCNQSDP		3.5.2	Vai trò của nhà nước trong bảo đảm bình đẳng giữa các bên trong quan hệ lao động	
1.2.3	Luật sư và trợ giúp pháp lý		3.5.3	Mức độ tuân thủ qui định của nhà nước	
1.2	Tiếp cận dịch vụ pháp lý		3.5.4	Niêm tin vào thẩm phán và cán bộ tòa án	
1.3.1	Chi phí thực tế cho xin GCNQSDP		3.5.5	Vai trò của nhà nước trong giải quyết khiếu nại về chính sách đất đai	
1.3.2	Khả năng chi trả cho giải quyết tranh chấp thương mại		3.5.6	Niêm tin vào vai trò của cơ quan nhà nước trong giải quyết khiếu nại môi trường	
1.3.3	Khả năng chi trả cho giải quyết khiếu nại về môi trường		3.5.7	Niêm tin vào hệ thống công vụ trong áp dụng chính sách đất đai	
1.3.4	Khả năng chi trả cho giải quyết khiếu nại về môi trường		3.6.1	Hiệu quả giải quyết tranh chấp dân sự	
1.3	Khả năng chi trả cho dịch vụ pháp lý		3.6.2	Hiệu quả giải quyết khiếu nại hành chính	
TRỤC 2 CÔNG BẰNG VÀ BÌNH ĐẲNG					
2.1.1	Bình đẳng giữa các bên trong tranh chấp lao động		3.6	Hiệu quả giải quyết tranh chấp	
2.1.2	Không phân biệt đối xử		TRỤC 4 QUYỀN CƠ BẢN CỦA NGƯỜI DÂN		
2.1.3	Bình đẳng trước tòa		4.1.1	Biết về Hiến pháp	
2.1	Bình đẳng trước pháp luật		4.1.2	Biết về sửa đổi Hiến pháp	
2.2.1	Vai trò cơ quan nhà nước trong giải quyết tranh chấp và khiếu nại đất đai		4.1.3	Biết về quyền bầu cử	
2.2.2	Vai trò cơ quan nhà nước trong giải quyết khiếu nại môi trường		4.1.4	Biết về quyền thừa kế	
2.2.3	Vai trò cơ quan nhà nước trong giải quyết khiếu nại hành chính		4.1.5	Biết về trợ giúp pháp lý miễn phí	
2.2	Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước		4.1.6	Biết về quyền sống trong môi trường trong lành	
2.3.1	Thời gian thụ lý và giải quyết khiếu nại về quản lý kinh tế		4.1	Hiểu biết về quyền	
2.3.2	Thời gian thụ lý và giải quyết khiếu nại về chính sách đất đai		4.2.1	Quyền khiếu nại trên thực tế	
2.3.3	Thời gian thụ lý và giải quyết khiếu nại về môi trường		4.2.2	Cơ chế bảo vệ người khiếu nại	
2.3.4	Quan ngại về thời gian xử lý giải quyết tranh chấp kéo dài		4.2.3	Cơ chế giải quyết kịp thời và thủ tục rõ ràng giải quyết khiếu nại	
2.3	Xử lý khiếu nại		4.2.4	Tham gia đi bầu trực tiếp	
2.4	Bình đẳng giữa các nhóm xã hội		4.2.5	Quyền tham gia	
TRỤC 3 THI HÀNH PHÁP LUẬT					
3.1.1	Liên chính trong giải quyết tranh chấp dân sự		4.2.6	Quyền tiếp xúc cử tri	
3.1.2	Liên chính trong giải quyết khiếu nại hành chính		4.2	Cơ chế bảo vệ quyền	
3.1.3	Chi phí không chính thức trong giải quyết tranh chấp đất đai		4.3.1	Tự do biểu đạt	
3.1.4	Lệ phí không chính thức trong xử lý vi phạm giao thông		4.3.2	Tự do báo chí	
3.1.5	Vai trò của truyền thông trong đấu tranh chống tham nhũng		4.3.3	Tự do hội họp	
3.1	Liên chính trong tư pháp		4.3.4	Tự do lập hội	
3.2.1	Trách nhiệm của các cơ quan tư pháp trong giải quyết khiếu nại hành chính		4.3.5	Quyền biểu tình	
3.2.2	Tác phong công vụ khi xử lý vi phạm giao thông		4.3.6	Tự do tôn giáo	
3.2.3	Tính chuyên nghiệp của cán bộ nhà nước trong xử lý các yêu cầu pháp lý của người dân		4.3.7	Tự do tôn giáo	
3.2	Chuyên nghiệp		4.3.8	Quyền trẻ em	
			4.3.9	Quyền tiếp cận thông tin	
			4.3	Bảo đảm quyền trên thực tế	
Mã màu:	Cao	Trung	Thấp		

Bảng 19: Bảng kết quả phân tích và đánh giá tổng hợp về Tây Ninh

#	Chỉ số	Kết quả	#	Chỉ số	Kết quả
TRỤC 1 TIẾP CẬN CÔNG LÝ					
1.1.1	Nguồn thông tin pháp luật sẵn có		3.3.1	Thửa nhận công khai nếu có vi phạm về công vụ	
1.1.2	Hiểu biết về phương thức giải quyết tranh chấp lao động		3.3.2	Kỷ luật cán bộ làm sai	
1.1.3	Hiểu biết về phương thức giải quyết tranh chấp đất đai		3.3	Giám sát tư pháp	
1.1.4	Hiểu biết về phương thức giải quyết tranh chấp dân sự		3.4.1	Rõ ràng về thủ tục trong giải quyết tranh chấp dân sự	
1.1.5	Hiểu biết về phương thức giải quyết khiếu nại về môi trường		3.4.2	Rõ ràng về thủ tục trong giải quyết khiếu nại hành chính	
1.1.6	Tiếp cận thông tin pháp luật		3.4.3	Rõ ràng về thủ tục trong giải quyết tranh chấp thương mại	
1.1.7	Hiểu biết về pháp luật		3.4.4	Thủ tục tòa án	
1.1	Tiếp cận thông tin pháp luật		3.4	Rõ ràng về thủ tục	
1.2.1	Thủ tục đăng ký kết hôn		3.5.1	Niêm tin của người dân vào sự ổn định của chính sách đất đai	
1.2.2	Thủ tục cấp GCNQSDP		3.5.2	Vai trò của nhà nước trong bảo đảm bình đẳng giữa các bên trong quan hệ lao động	
1.2.3	Luật sư và trợ giúp pháp lý		3.5.3	Mức độ tuân thủ qui định của nhà nước	
1.2	Tiếp cận dịch vụ pháp lý		3.5.4	Niêm tin vào thẩm phán và cán bộ tòa án	
1.3.1	Chi phí thực tế cho xin GCNQSDP		3.5.5	Vai trò của nhà nước trong giải quyết khiếu nại về chính sách đất đai	
1.3.2	Khả năng chi trả cho giải quyết tranh chấp thương mại		3.5.6	Niêm tin vào vai trò của cơ quan nhà nước trong giải quyết khiếu nại môi trường	
1.3.3	Khả năng chi trả cho giải quyết tranh chấp đất đai		3.5.7	Niêm tin vào hệ thống công vụ trong áp dụng chính sách đất đai	
1.3.4	Khả năng chi trả cho giải quyết khiếu nại về môi trường		3.6.1	Hiệu quả giải quyết tranh chấp dân sự	
1.3	Khả năng chi trả cho dịch vụ pháp lý		3.6.2	Hiệu quả giải quyết khiếu nại hành chính	
TRỤC 2 CÔNG BẰNG VÀ BÌNH ĐẲNG					
2.1.1	Bình đẳng giữa các bên trong tranh chấp lao động		3.6	Hiệu quả giải quyết tranh chấp	
2.1.2	Không phân biệt đối xử		TRỤC 4 QUYỀN CƠ BẢN CỦA NGƯỜI DÂN		
2.1.3	Bình đẳng trước tòa		4.1.1	Biết về Hiến pháp	
2.1	Bình đẳng trước pháp luật		4.1.2	Biết về sửa đổi Hiến pháp	
2.2.1	Vai trò cơ quan nhà nước trong giải quyết tranh chấp và khiếu nại đất đai		4.1.3	Biết về quyền bầu cử	
2.2.2	Vai trò cơ quan nhà nước trong giải quyết khiếu nại môi trường		4.1.4	Biết về quyền thừa kế	
2.2.3	Vai trò cơ quan nhà nước trong giải quyết khiếu nại hành chính		4.1.5	Biết về trợ giúp pháp lý miễn phí	
2.2	Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước		4.1.6	Biết về quyền sống trong môi trường trong lành	
2.3.1	Thời gian thụ lý và giải quyết khiếu nại về quản lý kinh tế		4.1	Hiểu biết về quyền	
2.3.2	Thời gian thụ lý và giải quyết khiếu nại về chính sách đất đai		4.2.1	Quyền khiếu nại trên thực tế	
2.3.3	Thời gian thụ lý và giải quyết khiếu nại về môi trường		4.2.2	Cơ chế bảo vệ người khiếu nại	
2.3.4	Quan ngại về thời gian xử lý giải quyết tranh chấp kéo dài		4.2.3	Cơ chế giải quyết kịp thời và thủ tục rõ ràng giải quyết khiếu nại	
2.3	Xử lý khiếu nại		4.2.4	Tham gia đi bầu trực tiếp	
2.4	Bình đẳng giữa các nhóm xã hội		4.2.5	Quyền tham gia	
TRỤC 3 THI HÀNH PHÁP LUẬT					
3.1.1	Liên chính trong giải quyết tranh chấp dân sự		4.2.6	Quyền tiếp xúc cử tri	
3.1.2	Liên chính trong giải quyết khiếu nại hành chính		4.2	Cơ chế bảo vệ quyền	
3.1.3	Chi phí không chính thức trong giải quyết tranh chấp đất đai		4.3.1	Tự do biểu đạt	
3.1.4	Lệ phí không chính thức trong xử lý vi phạm giao thông		4.3.2	Tự do báo chí	
3.1.5	Vai trò của truyền thông trong đấu tranh chống tham nhũng		4.3.3	Tự do hội họp	
3.1	Liên chính trong tư pháp		4.3.4	Tự do lập hội	
3.2.1	Trách nhiệm của các cơ quan tư pháp trong giải quyết khiếu nại hành chính		4.3.5	Quyền biểu tình	
3.2.2	Tác phong công vụ khi xử lý vi phạm giao thông		4.3.6	Tự do tôn giáo	
3.2.3	Tính chuyên nghiệp của cán bộ nhà nước trong xử lý các yêu cầu pháp lý của người dân		4.3.7	Tự do tôn giáo	
3.2	Chuyên nghiệp		4.3.8	Quyền trẻ em	
			4.3.9	Quyền tiếp cận thông tin	
			4.3	Bảo đảm quyền trên thực tế	
Mã màu:	Cao	Trung	Thấp		

3.5 Sử dụng kết quả Chỉ số Công lý

Các phân tích ở mục 3.3 của báo cáo đã cho thấy kết quả các chỉ số có thể là thông tin hữu ích để xác định các lĩnh vực công việc tư pháp ở cơ sở mà người dân còn chưa đánh giá cao, qua đó giúp gợi ý cho việc tập trung nguồn lực để cải thiện tình hình và hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp trung ương cũng như các địa phương. Phần 3.4 của báo cáo gợi ý việc sử dụng bảng tổng hợp kết quả chỉ số như một lăng kính giúp chính quyền các tỉnh thành nhận diện các lĩnh vực cần ưu tiên giải quyết, và đặc biệt là nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp cơ sở theo tinh thần phục vụ và vì dân.

Bên cạnh các ứng dụng nêu trên, so sánh kết quả chỉ số giữa các tỉnh thành có cùng điều kiện phát triển kinh tế xã hội cũng giúp thêm một góc nhìn, tạo động lực cho các địa phương đổi mới và phát triển toàn diện. Hãy làm phép so sánh giữa các tỉnh nghèo về đánh giá của người dân về hiệu quả hoạt động tư pháp ở cơ sở. Bảng 20 liệt kê kết quả chỉ số của 9 tỉnh Cao Bằng, Điện Biên, Hà Giang, Hòa Bình, Lạng Sơn, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu và Kon Tum. Đây là các tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất nước, với số liệu tỷ lệ % số hộ nghèo từ trên 15% tới gần 33% theo kết quả rà soát và điều tra toàn quốc hộ nghèo và cận nghèo năm 2014.²⁵

²⁵ Quyết định 1294/QĐ-LĐTBXH ngày 10/9/2015 phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo và hộ cận nghèo năm 2014.

Bảng 20: So sánh kết quả chỉ số giữa các tỉnh nhiều hộ nghèo nhất nước

Tỉnh	Tỷ lệ hộ nghèo %	1.1	1.2	1.3	Trục 1	2.1	2.2	2.3	2.4	Trục 2	3.1	3.2	3.3	3.4	3.5	3.6	Trục 3	4.1	4.2	4.3	Trục 4	
Lạng Sơn	14,89	High	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Hòa Bình	15,46	Low	High	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Kon Tum	15,88	Low	High	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Lào Cai	17,61	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Cao Bằng	20,25	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Yên Bái	20,57	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Hà Giang	23,21	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Lai Châu	23,48	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Sơn La	23,94	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Điện Biên	32,57	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low

Mã màu: Cao Trung Thấp

Hiện thị màu về kết quả giúp chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy việc đảm bảo quyền công dân ở các tỉnh nghèo nhất nước chưa được làm tốt, trong số 5 tỉnh thành trong cả nước có kết quả ở Nhóm Thấp ở trục 4 về bảo vệ quyền công dân thì 4 tỉnh nằm trong nhóm các tỉnh có số hộ nghèo cao nhất nước là Kon Tum, Cao Bằng, Hà Giang, Lai Châu và Điện Biên. Dù vậy, kết quả chỉ số không cho thấy có mối liên hệ giữa việc có nhiều hộ nghèo, thể hiện mức sống dân cư thấp với đánh giá về hiệu quả hoạt động tư pháp ở cơ sở. Sơn La tỉnh có tỷ lệ

hộ nghèo gần 24% nhưng là một trong 7 tỉnh có kết quả chỉ số ở Nhóm Cao. Hy vọng các nghiên cứu sâu về tình hình ở các địa phương này sẽ giúp hiểu rõ hơn đâu là các tác nhân chính mang lại kết quả này.

So sánh kết quả chỉ số của 13 tỉnh thành đứng đầu trong danh sách không có hộ nghèo hoặc ít hộ nghèo nhất nước, tỷ lệ từ 0 đến dưới 3%, cũng cho thấy nhiều thông tin đáng chú ý. Hình 21 trình bày kết quả chỉ số của 13 tỉnh thành trong đó có 5 tỉnh, thành phố trực thuộc

trung ương là Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh và Cần Thơ.

Ở các tỉnh thành này, nhìn chung công tác thi hành pháp luật được đánh giá tốt. Tuy nhiên về đảm bảo quyền cơ bản của người dân vẫn có 4 tỉnh thành ở nhóm này bị đánh giá thấp là Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, và Lâm Đồng. Trong nhóm này, ba tỉnh có kết quả chỉ số ở Nhóm Cao là Bắc Ninh, Hải Phòng và Quảng Ninh. Phân tích chi tiết dữ liệu và kết

quả chỉ số có thể thấy một tỉnh thành có kết quả chỉ số tổng hợp ở Nhóm Cao không đồng nghĩa với việc mọi lĩnh vực hoạt động đều tốt, và 'không còn gì để phấn đấu'. Ví dụ, Hải Phòng là địa phương có kết quả tổng hợp ở Nhóm Cao nhưng còn tồn tại nhiều bất công và bất bình đẳng giữa các nhóm xã hội, thi hành pháp luật còn nhiều mặt chưa tốt, và cơ chế bảo vệ quyền cơ bản của người dân trên thực tế còn nhiều bất cập.

Bảng 21: So sánh kết quả chỉ số giữa các tỉnh ít hộ nghèo nhất nước

Tỉnh	Tỷ lệ hộ nghèo %	1.1	1.2	1.3	Trục 1	2.1	2.2	2.3	2.4	Trục 2	3.1	3.2	3.3	3.4	3.5	3.6	Trục 3	4.1	4.2	4.3	Trục 4	
Đà Nẵng	0	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Bình Dương	0	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
TP. HCM	0	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Đồng Nai	0,33	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Bà Rịa - Vũng Tàu	0,54	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Hà Nội	0,62	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Tây Ninh	1,22	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Quảng Ninh	1,75	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Hải Phòng	2,36	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Bắc Ninh	2,57	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Lâm Đồng	2,75	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Cần Thơ	2,84	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low
Long An	2,98	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low	Low

Mã màu: Cao Trung Thấp

Mối liên hệ giữa phát triển kinh tế và đảm bảo công bằng và bình đẳng

Trong quá trình nghiên cứu và tham vấn về Chỉ số Công lý, một câu hỏi được nhiều chuyên gia về kinh tế và quản trị công đề cập là: Liệu có mối liên hệ nào không giữa mức độ phát triển kinh tế xã hội ở một địa phương với việc đảm bảo công lý cho người dân? Trên thế giới, đã có các nghiên cứu thực chứng, gần đây nhất là việc ra mắt Chỉ số về Tiến bộ Xã hội năm 2015, cho thấy tăng trưởng kinh tế có thể

không song hành với bảo đảm tốt hơn quyền và tự do cá nhân cho đại đa số các tầng lớp dân cư trong xã hội.²⁶ Ở Việt Nam, sử dụng kết quả chỉ số công lý có thể dùng so sánh giữa các địa phương có mức phát triển kinh tế xã hội khác nhau để có thể trả lời câu hỏi trên. Tuy nhiên, do không thể thu thập được thông tin đáng tin cậy và đầy đủ về tổng sản phẩm trên địa bàn (GRPD)²⁷ của các tỉnh thành trên

²⁶ Michael Porter và các tác giả, Báo cáo Chỉ số Tiến bộ Xã hội 2015 (Social Progress Index 2015)
²⁷ Theo Tổng cục thống kê GRPD là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp quan trọng, dùng để đánh giá tốc độ tăng trưởng của các ngành, các khu vực và toàn bộ các hoạt động sản xuất trên địa bàn một tỉnh thành.

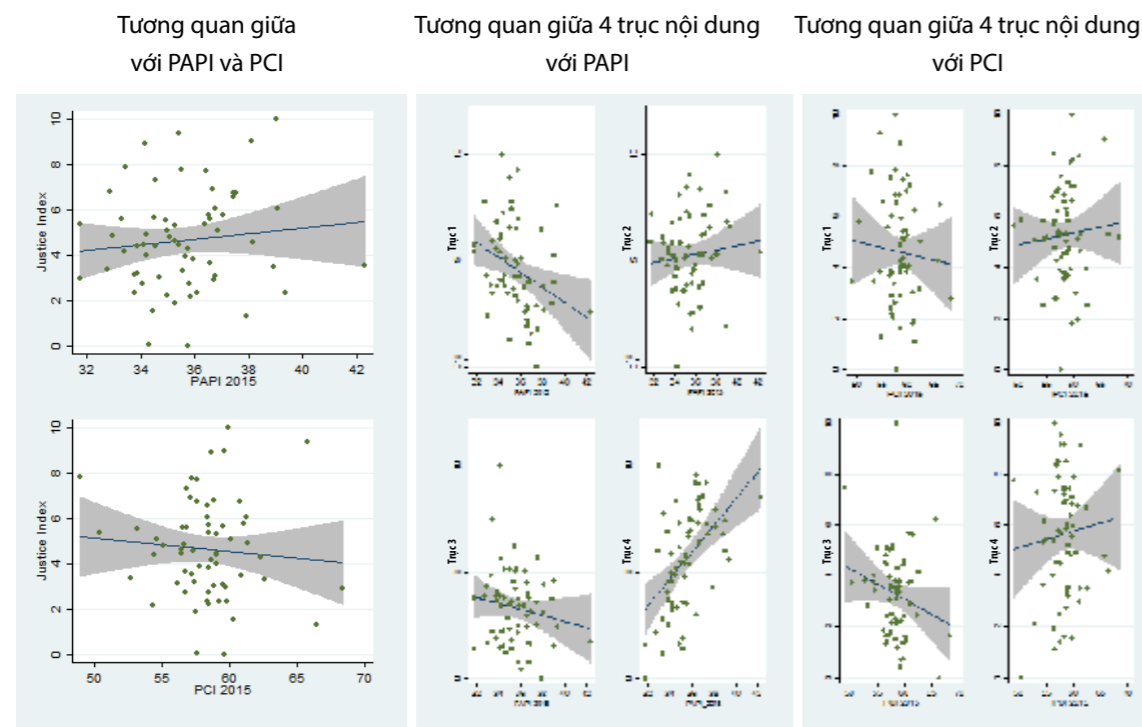
cả nước, việc tìm hiểu tương quan giữa bảo đảm công lý và bình đẳng với phát triển kinh tế ở các địa phương chưa được thực hiện ở Báo cáo này.

Mối liên hệ giữa Chỉ số Công lý với các chỉ số PAPI và PCI

Tương quan giữa Chỉ số Công lý với các chỉ số đang được sử dụng phổ biến ở Việt Nam cũng làm một vấn đề được quan tâm. Trong quá trình phân tích, có thể quan sát thấy tương quan cùng chiều thấp giữa Chỉ số Công lý và PAPI và tương quan ngược chiều thấp giữa Chỉ số Công lý và PCI. Điều này cho thấy, các vấn đề chọn nghiên cứu và phân tích trong khuôn khổ chỉ số này khác với các nội dung của PAPI và PCI.

Khi đánh giá quan hệ giữa mỗi trục nội dung của Chỉ số Công lý lần lượt với PAPI và PCI, có thể thấy rõ là các tương quan cùng chiều được dẫn dắt bởi dự phần có trọng lượng của Trục nội dung 4 tới toàn bộ mối quan hệ giữa Chỉ số Công lý với PAPI. Điều này ủng hộ giả thiết là có mối quan hệ tương hỗ giữa việc bảo vệ các quyền cơ bản với quản trị và hành chính công hiệu quả, xem Hình 15. Kết quả phân tích quan hệ giữa Chỉ số Công lý với PCI không cho kết quả rõ ràng. Cụ thể tổng điểm theo hướng tương quan ngược chiều là do tác động chính của Trục nội dung 3 về thi hành pháp luật. Có thể nói tạo dựng môi trường cạnh tranh thu hút đầu tư cho doanh nghiệp và doanh dân ở cấp tỉnh không nhất thiết có tác động tích cực tới công tác thi hành pháp luật giải quyết khiếu nại và tranh chấp dân sự của người dân.

Hình 15: Tương quan Chỉ số Công lý với PAPI, PCI



Chỉ số Công lý và Các mục tiêu Phát triển Bền vững

Việt Nam cam kết thực hiện thành công các Mục tiêu Phát triển Bền vững đã được các nước thành viên Liên Hợp Quốc thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hợp Quốc tháng 9 năm 2015.²⁸ Văn kiện chính thức về các Mục tiêu Phát triển Bền vững (“MTPTBV”) “Biến đổi thế giới của chúng ta: Chương trình nghị sự tới năm 2030 vì Phát triển Bền vững” chỉ ra 17 mục

tiêu tổng quát và 169 mục tiêu cụ thể, trong đó 3 mục tiêu liên quan trực tiếp tới phạm vi nghiên cứu Chỉ số Công lý là Mục tiêu 5 về bình đẳng giới, Mục tiêu 10 về giảm bất bình đẳng, và Mục tiêu 16 về hòa bình, công lý và các thể chế hiệu quả. Các chỉ số giúp theo dõi và đánh giá thực hiện các MTPTBV đang được bàn thảo. So sánh với Chỉ số Công lý 2015, đáng chú ý là một số chỉ số thành phần và dữ liệu ở Chỉ số Công lý là tương thích với các chỉ số của MTPTBV. Thực tế này gợi ý khả năng dùng kết quả Chỉ số Công lý 2015 là thông tin cơ sở cho việc theo dõi và đánh giá thực hiện một số mục tiêu cụ thể của các MTPTBV 5, 10 và 16.

28 <http://vietnamnews.vn/politics-laws/276320/president-viet-nam-commits-to-successfully-implementing-sdgs.html>

Bảng 22: So sánh Chỉ số Công lý và Mục tiêu Phát triển Bền vững 16

Mục tiêu 16	Một số nhiệm vụ cụ thể	Chỉ số theo dõi đánh giá Mục tiêu	Chỉ số Công lý và các biến số
 <p>Khuyến khích và thúc đẩy hòa bình, các xã hội công bằng, phát triển bao trùm và các thể chế mạnh, dân chủ và có trách nhiệm giải trình</p>	<p>16.3 Tăng cường chế độ pháp quyền ở cấp quốc gia và quốc tế, đảm bảo tiếp cận công lý bình đẳng cho tất cả mọi người</p>	<p>16.3.1 Tỷ lệ nạn nhân bạo lực trình trình báo của nạn nhân trong 12 tháng qua hoặc số liệu thu được qua các kênh giải quyết tranh chấp, xung đột ở cộng đồng (cũng còn gọi là tỷ lệ khai báo về tội phạm)</p>	<p>C01(4) Hệ thống tư pháp đáp ứng yêu cầu trợ giúp cho nạn nhân của bạo lực gia đình</p>
	<p>16.6 Xây dựng các thể chế minh bạch, hiệu quả và có tính giải trình ở tất cả các cấp</p>	<p>16.6.1 Chi tiêu ngân sách cơ bản được phê chuẩn và phân bổ theo lĩnh vực (hoặc theo mã ngân sách)</p> <p>16.6.2 Tỷ trọng dân số hài lòng với việc cung ứng các dịch vụ công</p>	<p>3.1 Liêm chính trong tư pháp</p> <p>3.2 Chuyên nghiệp của cán bộ tư pháp và thực thi pháp luật</p> <p>3.5 Niềm tin vào các thiết chế tư pháp</p>
	<p>16.10 Đảm bảo tiếp cận công khai với thông tin và bảo vệ các quyền tự do cơ bản, theo pháp luật quốc gia và các hiệp ước quốc tế</p>	<p>16.10.1 Số trường hợp được xem là bị giết, bắt cóc, bắt buộc mất tích, giam cầm vô cớ và tra tấn nhà báo, người làm cho các cơ quan thông tấn, công đoàn và những người đấu tranh vì nhân quyền trong 12 tháng qua</p>	<p>H16g Quyền tiếp cận thông tin trên thực tế</p> <p>H18c Vai trò của truyền thông trong phát hiện và chống tham nhũng</p>
<p>16.b Khuyến khích và bắt buộc thực thi các chính sách và luật không phân biệt đối xử vì sự phát triển bền vững</p>	<p>16.b.1 Tỷ lệ số người báo cáo là cảm thấy bị phân biệt đối xử trong 12 tháng qua dựa theo những cơ sở không được phép theo luật nhân quyền quốc tế, chia theo nhóm tuổi và giới tính</p>	<p>H17 Phân biệt đối xử dựa trên các đặc điểm khác nhau</p>	

Bảng 22 liệt kê các dữ liệu từ nghiên cứu Chỉ số Công lý có thể được sử dụng cho theo dõi và đánh giá thực hiện Mục tiêu Phát triển Bền vững 16 - Hòa Bình, Công lý và các Thể chế hiệu quả. Các dữ liệu liên quan tới theo dõi và đánh giá Mục tiêu 5 và 10 có thể tham khảo ở Phụ lục 6.

Các phát hiện chính và khuyến nghị chính sách

Các phân tích ở Chương này cho thấy, Chỉ số Công lý cung cấp một công cụ định lượng, có thể xem như một lăng kính mới, tạo điều kiện so sánh tương đối hiệu quả hoạt động của các tỉnh thành trong cả nước về công tác tư pháp ở cơ sở, hướng tới bảo đảm công bằng, bình đẳng và bảo vệ quyền cơ bản của người dân. Lăng kính ba màu này giúp chúng ta nhìn rộng hơn, vượt qua ranh giới địa lý của một đơn vị hành chính, và cũng giúp chúng ta nhìn sâu hơn vào các tiến trình đang diễn ra, trực diện liên quan tới đời sống người dân - công lý với người dân là gì, quyền theo Hiến pháp có phải là quan tâm hàng đầu của đại đa số người dân bận rộn mưu sinh, lý do và động cơ giải thích hành động của số đông khi đối diện với các bất công, và nhiều vấn đề khác nữa. Chỉ số Công lý rõ ràng có thể là một kim chỉ nam, giúp nhận diện các tiến bộ, đồng thời các hạn chế và yếu kém cần tiếp tục cải thiện ở cấp cơ sở.

Các phát hiện từ phân tích và so sánh hiệu quả hoạt động tư pháp còn là tiền đề cho một khuyến nghị chính sách quan trọng. Các chiến lược phát triển chỉ đơn thuần dựa trên các mục tiêu phát triển kinh tế sẽ là không trọn vẹn. Một chiến lược tăng trưởng bao trùm cần hướng tới các mục tiêu nhiều mặt và nguồn lực cần được cân đối để không chỉ tập trung toàn bộ cho một mục tiêu nào, để phát triển bền vững một chiến lược hợp lý bao gồm cải thiện môi trường đầu tư, tạo việc làm và tăng GRPD,

cải thiện công tác quản trị địa phương, và không kém phần quan trọng nếu không nói là mục tiêu trọng tâm và ưu tiên hàng đầu trong thời gian tới là đổi mới hoạt động các cơ quan tư pháp vì dân, đảm bảo trên thực tế các quyền và tự do cá nhân theo Hiến pháp.

Các kết quả Chỉ số 2015 về tổng quan các tỉnh thành đã bổ sung thêm nguồn thông tin tương đối tổng quát về hiệu quả hoạt động tư pháp ở cơ sở. Nhìn từ góc độ nghiên cứu, thực tế hiện nay không có nhiều thông tin có thể kiểm chứng, có độ tin cậy cao, và phân tích chuyên sâu về công tác tư pháp địa phương ở Việt Nam. Việc trình bày kết quả Chỉ số Công lý 2015 theo các trục nội dung, so sánh tương quan giữa các tỉnh, bảng màu tổng hợp đánh giá hiệu quả hoạt động của mỗi tỉnh thành, chỉ là một trong các phương án trình bày bộ dữ liệu phong phú thu thập từ khảo sát 2015. Sẽ còn nhiều cách phân tích, sử dụng các phương thức tiếp cận nghiên cứu khác để có thể khai thác triệt để dữ liệu của Chỉ số Công lý 2015, phục vụ cho việc định hướng hành động và biện pháp đổi mới công tác tư pháp địa phương.

TỔNG HỢP CÁC PHÁT HIỆN CHÍNH VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

Phát hiện chính

Tranh chấp phổ biến	Đất đai là tranh chấp và khiếu nại phổ biến nhất. Vệ sinh an toàn thực phẩm đang là vấn đề dân sự được quan tâm nhất, chiếm 20% vướng mắc dân sự. Vấn đề bạo lực gia đình chiếm gần 9% tổng số các vướng mắc dân sự.
Giải quyết tranh chấp và khiếu nại hành chính	Các cơ quan nhà nước ở địa phương giữ vai trò quan trọng trong việc tiếp nhận và giải quyết các yêu cầu và vướng mắc pháp lý của người dân. Thủ tục giải quyết tranh chấp không rõ ràng, thời gian thụ lý kéo dài và hiệu quả giải quyết còn thấp là các lý do chủ yếu làm người dân có tâm lý tự giải quyết hoặc chọn các phương pháp phi chính thức, thay vì tiếp xúc với các thiết chế tư pháp cơ sở. Hiệu quả trợ giúp của cơ quan nhà nước địa phương về giải quyết vướng mắc pháp lý và khiếu nại của người dân còn thấp. Trợ giúp của luật sư và trợ giúp pháp lý được đánh giá cao hơn về hiệu quả so với trợ giúp của các cơ quan tư pháp địa phương.
Tiếp cận tòa án	Việc tiếp cận tòa án còn nhiều hạn chế, lý do chính là các quan ngại về chi phí, về thủ tục, và niềm tin vào sự công tâm của thẩm phán và cán bộ tòa án.
Tiếp cận thông tin	Những cải thiện về sự đa dạng của nguồn thông tin giải thích cho những thay đổi tích cực về tiếp cận thông tin và mức hiểu biết pháp luật của người dân mà khảo sát ghi nhận được. Tuy nhiên, vẫn có 26% người được phỏng vấn không quan tâm tới thông tin pháp luật.
Vai trò truyền thông và báo chí	Vô tuyến truyền hình là nguồn tin hàng đầu với tuyệt đại đa số người dân. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật ở địa phương, cùng với các cuộc họp ở thôn xã, tổ dân phố hay loa phát thanh tại cộng đồng cũng là các nguồn tin phổ biến. Những nguồn thông tin chuyên môn là các trang thông tin pháp luật trên internet và luật sư chưa phải là nguồn tham khảo quan trọng của người dân. Chỉ có 5% người tham gia khảo sát cho biết họ biết tới thông tin pháp luật từ luật sư. 29% người được phỏng vấn hoài nghi về vai trò của báo chí và truyền hình ở địa phương trong việc “chủ động phát hiện và đưa tin về tham nhũng”.
Hiểu biết về pháp luật	Khảo sát 2015 ghi nhận nhiều thay đổi tích cực về hiểu biết pháp luật của người dân.
Hiểu biết về Hiến pháp	41% người tham gia khảo sát 2015 không biết về Hiến pháp. Chỉ có 12% người tham gia khảo sát biết về việc sửa đổi Hiến pháp năm 2013.
Bảo đảm quyền cơ bản trên thực tế	So sánh với kết quả khảo sát 2012, không có nhiều thay đổi về việc bảo vệ quyền cơ bản của người dân trên thực tế. Khảo sát ghi nhận có tiến bộ về tự do ngôn luận và tiếp cận thông tin, tuy nhiên không thấy có chuyển biến, thậm chí người dân đánh giá thấp hơn trước, về đảm bảo các quyền dân sự và tự do cá nhân như tự do báo chí, tự do hội họp, tự do lập hội, biểu tình, tự do tôn giáo và tự do tín ngưỡng.

Bất bình đẳng và phân biệt đối xử	Tồn tại khoảng cách, thậm chí là bất bình đẳng, giữa các nhóm xã hội. Người nghèo, có học vấn thấp và không có vị trí xã hội chịu nhiều rào cản xuất phát từ nguồn lực cá nhân và nguồn lực xã hội, vì vậy gặp nhiều hạn chế về tiếp cận thông tin, tiếp cận các thiết chế tư pháp cơ sở. Theo quan sát của gần một phần ba số người tham gia khảo sát, cán bộ nhà nước ở địa phương còn phân biệt đối xử với người có HIV và người đồng tính.
Tiếp cận công lý của phụ nữ	Còn khoảng cách giữa phụ nữ và nam giới về tiếp cận công lý và bảo vệ quyền cơ bản trên thực tế. Tỷ lệ nữ không quan tâm tới tiếp cận thông tin và đặc biệt là thông tin pháp luật cao hơn nhiều so với nam. 35% phụ nữ tham gia khảo sát không quan tâm tới thông tin pháp luật, trong khi tỷ lệ không quan tâm ở nam là 16%. Mặt bằng chung về hiểu biết pháp luật của phụ nữ nhìn chung còn thấp hơn nam giới. Đánh giá của phụ nữ về đảm bảo quyền trên thực tế đa phần là thấp hơn so với tỷ lệ trả lời của nam giới. Phụ nữ ít tham gia tiếp xúc cử tri hơn nam giới.
Quyền tham gia vào quản lý xã hội	Quyền được tham gia của người dân cần được đảm bảo tốt hơn ở cơ sở. Người dân có nhu cầu được cung cấp thông tin về chính sách và pháp luật mới kịp thời và đầy đủ, ủng hộ việc công khai và minh bạch hơn về ngân sách và chi tiêu của chính quyền địa phương.
Quyền khiếu nại	74% người tham gia khảo sát 2015 cho rằng “chính quyền đã tạo điều kiện để giải quyết kịp thời và dứt điểm khiếu nại của người dân”. 20% cho biết ở địa phương nơi họ sinh sống “người khiếu nại bị gây khó khăn trong công việc và đời sống”.
Trách nhiệm giải trình	Các nỗ lực tạo điều kiện để người dân tham gia quản lý xã hội cần song hành với đảm bảo trách nhiệm giải trình từ chính quyền địa phương. Trên thực tế, việc xử lý cán bộ công chức làm sai ở cấp cơ sở chưa thực sự công khai và minh bạch. 55% số người tham gia khảo sát cho biết “ở địa phương nơi họ sinh sống, khi cán bộ cơ quan nhà nước làm sai, đại diện chính quyền nhận lỗi công khai và có hành động sửa sai”; 51% số người tham gia khảo sát cho biết ở địa phương nơi họ sinh sống “cán bộ làm sai đã bị kỷ luật”.
Dân chủ đại diện	Bầu hộ, bầu thay là một thực tế ở bầu cử Quốc hội tổ chức năm 2011. Hiểu biết của người dân về Quốc hội và vai trò của đại biểu Quốc hội còn hạn chế. 57% số người tham gia khảo sát không biết về thời gian một nhiệm kỳ Quốc hội. 82% số người được hỏi ủng hộ việc cần có thêm nhiều đại biểu Quốc hội nữ. Có 42% số người được hỏi ủng hộ việc nên quy định tỷ lệ tối thiểu ứng viên đại biểu Quốc hội là nữ. Người dân quan tâm và theo dõi hoạt động và Nghị quyết của HĐND cấp xã và HĐND cấp tỉnh hơn là quan tâm tới hoạt động của HĐND cấp huyện.
Tương quan giữa các chỉ số	So sánh kết quả Chỉ số Công lý và PAPI cho thấy quan hệ tương hỗ giữa việc bảo vệ các quyền cơ bản với đảm bảo hiệu quả quản trị và hành chính công hiệu quả. Tạo dựng môi trường cạnh tranh, thu hút đầu tư của doanh nghiệp và doanh dân ở cấp tỉnh không nhất thiết có tác động tích cực tới công tác thi hành pháp luật và giải quyết tranh chấp dân sự, khiếu nại của người dân.

Khuyến nghị chính sách

Từ những phát hiện chính nêu trên, có thể đề xuất một số khuyến nghị chính sách tập trung vào các nội dung sau:

- Công khai, minh bạch và hiệu quả hoạt động của các thiết chế tư pháp ở cơ sở là tiền đề xây dựng và củng cố niềm tin vào hệ thống tư pháp địa phương. Cần có các chính sách cụ thể tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin, tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ tư pháp, bảo đảm công bằng và bình đẳng cho các nhóm yếu thế trong xã hội.
- Song song với việc triển khai các luật mới về tố tụng và tổ chức tòa án, ngành tòa án và các cơ quan tư pháp cần tiếp tục đổi mới theo hướng bảo đảm tính hiệu quả, hiệu lực, sự công tâm và liêm chính của bộ máy tư pháp.
- Cần khuyến khích và thúc đẩy sự phát triển của đội ngũ luật sư và trợ giúp pháp lý để hỗ trợ và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân trong việc giải quyết tranh chấp cũng như tiếp cận các nguồn thông tin pháp luật có chuyên môn và chất lượng.
- Chuyển trọng tâm từ việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật sang hoàn thiện và tổ chức thực thi pháp luật từ trung ương tới các địa phương.
- Các quyền cơ bản của công dân và đổi mới hoạt động của các cơ quan nhà nước theo Hiến pháp mới 2013 cần được tiếp tục củng cố và bảo vệ thông qua việc ban hành và thực thi các quy phạm pháp luật cụ thể. Các cam kết về bảo vệ quyền con người theo các cam kết quốc tế của Việt Nam cần được bảo đảm thực thi nghiêm túc và có trách nhiệm.
- Sự tham gia của người dân vào quản trị địa phương và triển khai dân chủ cơ sở trên mọi mặt đời sống xã hội cần được đẩy mạnh thông qua việc nâng cao chất lượng

và hiệu quả thực hiện Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Nâng cao hiệu quả thể chế dân chủ đại diện thông qua chuyên nghiệp hóa hoạt động của các cơ quan dân cử, cụ thể là đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Tạo điều kiện để người dân tham gia tiếp xúc cử tri một cách thực chất.
- Các chiến lược phát triển chỉ đơn thuần dựa trên các mục tiêu phát triển kinh tế sẽ là không trọn vẹn. Để triển khai các Mục tiêu Phát triển Bền vững và chính sách tăng trưởng bao trùm, cải cách tư pháp là một nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới, cụ thể là đổi mới hoạt động các cơ quan tư pháp hướng tới xây dựng một nền tư pháp vì dân, đảm bảo trên thực tế các quyền và tự do cá nhân theo Hiến pháp.

Ứng dụng của Chỉ số

- Chỉ số Công lý cung cấp thông tin so sánh hiệu quả hoạt động của các tỉnh thành trong cả nước về công tác tư pháp ở cơ sở, hướng tới bảo đảm công bằng, bình đẳng và bảo vệ quyền cơ bản của người dân. Lãng kính ba màu này giúp chúng ta nhìn rộng hơn, vượt qua ranh giới địa lý của một đơn vị hành chính, và cũng giúp chúng ta nhìn sâu hơn vào các tiến trình đang diễn ra, trực diện liên quan tới đời sống người dân.
- Chỉ số Công lý cung cấp thông tin có thể kiểm chứng, có độ tin cậy, và phân tích chuyên sâu về quản trị địa phương và đặc biệt là công tác tư pháp địa phương ở Việt Nam. Chỉ số Công lý có thể là một kim chỉ nam, giúp nhận diện các tiến bộ, đồng thời các hạn chế và yếu kém cần tiếp tục cải thiện ở cấp cơ sở.
- Một số chỉ số thành phần và dữ liệu của Chỉ số Công lý là tương thích với các chỉ số của các MTPTBV. Kết quả Chỉ số Công lý 2015 có thể sử dụng như thông tin cơ